

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC GIA NHẬP WTO TỚI QUYỀN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA CỦA PHỤ NỮ

HOÀNG MAI HƯƠNG^(*)

Tư cách thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) sẽ đem lại cả những tác động tích cực và không tích cực đối với Việt Nam. Việc thực hiện các quyền con người đương nhiên cũng sẽ chịu ảnh hưởng trong bối cảnh như vậy. Nhiều nghiên cứu cho thấy, phụ nữ là đối tượng dễ bị ảnh hưởng nhất trong mọi lĩnh vực. Bài viết này chỉ ra những tác động của việc Việt Nam gia nhập WTO đối với việc bảo đảm thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của phụ nữ ở nước ta.

1. Những lợi ích và thách thức về kinh tế, xã hội và văn hoá

a. Lợi ích

Đánh giá về việc chúng ta gia nhập WTO, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho rằng nếu chúng ta tận dụng được cơ hội thì sẽ tạo ra thế và lực mới, đẩy lùi thách thức (1). Cơ hội lớn nhất cho Việt Nam là mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, tranh thủ công nghệ để phát triển (2). Tiến sỹ Carl Thayer, Giám đốc Diễn đàn Quốc phòng thuộc Đại học New South-Wales của Australia, đồng thời là chuyên gia nghiên cứu về Đông Á và Việt Nam, nhận định rằng sau khi gia nhập WTO, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ không còn bị phân biệt đối xử khi xâm nhập vào thị trường của 149 nước thành viên khác. Điều này sẽ giúp gia tăng mức sản xuất tại Việt Nam, phát triển thị trường nội địa, tạo việc làm cho dân chúng. Còn theo Tiến sỹ Lê Đăng Doanh, thế hệ trẻ Việt Nam sẽ có lựa chọn rộng lớn hơn trong học tập, tìm kiếm việc làm, có điều kiện phát huy mạnh mẽ sức sáng tạo.

Việc đánh giá lợi ích có thể được nhìn nhận từ nhiều góc độ khác nhau, trên

từng lĩnh vực và ngành nghề. Chẳng hạn, từ góc độ của người dân bình thường với tư cách là người tiêu dùng, thì việc gia nhập WTO đồng nghĩa với việc mở cửa thị trường cho hàng hoá nước ngoài xâm nhập vào thị trường Việt Nam. Điều này sẽ dẫn đến cạnh tranh về giá cả và chất lượng của hàng hóa. Và như vậy, người tiêu dùng sẽ có nhiều lựa chọn và an tâm hơn về chất lượng sử dụng cho một thứ hàng hoá mà mình mong muốn. Hay từ góc độ người lao động, sẽ có những đối tượng, đặc biệt là những người có trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp cao, có nhiều cơ hội lựa chọn những công việc phù hợp và lương cao. Việc gia tăng đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam, nhất là việc xây dựng các cơ sở sản xuất mới, sẽ giúp tạo ra nhiều việc làm cho hàng triệu người lao động ở nước ta mỗi năm. Đón trước cơ hội làm ăn, thậm chí ngay cả trước khi chúng ta gia nhập WTO, nhiều tập đoàn lớn của nước ngoài đã bỏ vốn đầu tư hàng triệu đô la vào Việt Nam để xây

^(*) ThS. Luật học, Viện Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

dựng những cơ sở sản xuất kinh doanh của họ ở đây, như tập đoàn máy tính hàng đầu Intel của Mỹ đã đầu tư một tỉ USD để xây dựng nhà máy sản xuất của hãng này ở Việt Nam, trở thành nơi sản xuất lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á. Và, mới đây, nhân dịp tuần lễ cấp cao của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) được tổ chức tại Hà Nội vào trung tuần tháng 11 năm 2006, đã có cam kết đầu tư tới 6 tỉ USD từ các tập đoàn nước ngoài vào Việt Nam. Việc đầu tư sản xuất-kinh doanh như vậy không thể không nói tới cơ hội việc làm mới cho người lao động của Việt Nam, trong đó có phụ nữ.

Nhìn sang quốc gia láng giềng của chúng ta, Trung Quốc, cách đây 5 năm họ trở thành thành viên chính thức của WTO, hàng hoá xuất-nhập khẩu giữa Trung Quốc với các nước thành viên của WTO đã tăng hết sức ấn tượng. Thậm chí ở Mỹ hiện nay đã xuất hiện lo ngại rằng thâm hụt buôn bán của họ với Trung Quốc là rất lớn. Cán cân thâm hụt thương mại mà phần lợi nghiêng về Trung Quốc đã tăng lên tới hơn 30 tỉ USD. Ngược lại, hàng hoá của nước ngoài vào Trung Quốc tràn ngập hơn, nhiều cơ hội việc làm hơn được tạo ra. Tất nhiên, trong quá trình này, Trung Quốc, cũng giống như nhiều nước thành viên khác của WTO, cũng phải gánh chịu nhiều hậu quả.

Trên lĩnh vực dịch vụ, theo cam kết gia nhập WTO, chúng ta cũng sẽ phải mở cửa thị trường này. Các dịch vụ ở đây có thể hiểu là những dịch vụ xã hội, như y tế, giáo dục, ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, thậm chí cả hàng không, pháp lý, v.v... Mới đây, Tổng Giám đốc của hãng hàng không tư nhân Air Asia của Malaysia hiện đang có các chuyến bay hàng ngày tới Việt Nam từ một số nước trong khu vực, đã tuyên bố rằng nếu được phép khai thác các chuyến bay nội địa ở Việt Nam thì giá

vé từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 25 USD (tương đương khoảng gần 500.000 đồng Việt Nam) và đáng ngạc nhiên hơn nữa là Chủ tịch hãng hàng không này, ông Tony Fernandes, còn nói Air Asia đang phấn đấu giảm giá vé một chiều Hà Nội- Kuala Lumpur xuống còn 9,99 USD, tạo nhiều cơ hội để người nghèo có thể thực hiện giấc mơ bay (3). Và hiện nay, Vietnam Airlines cũng đang khuyến mãi giá vé từ Hà Nội đi Bangkok với giá một chiều là 70 USD - thấp hơn nhiều so với cách đây ít lâu. Lẽ dĩ nhiên, những giá vé đó chưa nói lên tất cả, nhất là những giá vé này được chào mời trong các dịp khuyến mại và chất lượng dịch vụ đi kèm trên các chuyến bay, nhưng điều đó không thể không nói rằng một phần của sự gia tăng các hãng hàng không giá rẻ là do tác động của việc chúng ta gia nhập WTO. Việc gia nhập WTO cũng sẽ tác động hơn nữa tới dịch vụ và chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Ở một vài thành phố lớn hiện nay, chúng ta cũng đã cho phép hoạt động bệnh viện liên doanh cung cấp các dịch vụ y tế-chăm sóc sức khỏe cho mọi đối tượng. Dù giá dịch vụ còn cao, nhưng chất lượng được dư luận đánh giá là tốt. Lĩnh vực giáo dục là một vấn đề hiện nay được nhiều người quan tâm, cả về cách thức tổ chức, điều hành lẫn chất lượng đào tạo. Theo cam kết gia nhập WTO, chúng ta cũng sẽ cho phép các cơ sở giáo dục của nước ngoài cung cấp dịch vụ ở Việt Nam. Cho đến thời điểm hiện nay, các dịch vụ ngân hàng vẫn phần lớn do các ngân hàng trong nước cung cấp. Nhưng vào WTO thì điều đó không còn nữa. Các ngân hàng nước ngoài sẽ vào hoạt động tại Việt Nam, hoặc là thông qua hình thức liên doanh, hoặc là cung cấp dịch vụ riêng. Như vậy, người dân có nhiều cơ hội tiếp cận các dịch vụ ngân hàng tiện ích và nhanh hơn.

Một lĩnh vực dịch vụ nữa cũng sẽ phát triển trong thời gian tới. Đó là dịch vụ văn hoá-nghệ thuật. Sự hội nhập sẽ

tạo điều kiện giao lưu văn hoá, trao đổi nghệ thuật, kích thích sự sáng tạo nghệ thuật. Chưa xét đến khía cạnh tiêu cực của vấn đề, việc này sẽ tạo điều kiện cho người dân tiếp xúc và hưởng thụ những sản phẩm văn hoá nước ngoài bên cạnh những sản phẩm văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc. Như vậy, quyền hưởng thụ văn hoá-nghệ thuật của người dân được nâng cao, đa dạng hơn, điều này giúp chúng ta hiểu biết và hạn chế được thiếu sót về ứng xử trong hoạt động giao thoa văn hoá giữa các nước và các dân tộc.

Chỉ chừng đó thôi chúng ta cũng đã có thể thấy việc gia nhập WTO đem lại lợi ích như thế nào cho mọi người dân, trong đó có phụ nữ, dù mức thụ hưởng đương nhiên sẽ khác nhau. Hội nhập là quá trình tương tác hai chiều, sẽ có mặt lợi và mặt tiêu cực, sẽ có lĩnh vực này phát triển và lĩnh vực khác bị hạn chế, kém phát triển, hoặc thậm chí bị đe dọa tồn tại. Đó là quy luật của sự vận động phát triển. Nếu gia nhập WTO mà chỉ thấy những lợi ích thì quá chủ quan, sẽ dẫn đến những hậu quả mà không thể lường hết được. Vậy, những thách thức đối với chúng ta là gì?

b. Thách thức

Tiến sỹ Carl Thayer cho rằng Việt Nam gia nhập WTO sẽ phải đương đầu với 6 thách thức và trong cuộc chơi này nhiều công ty trong nước sẽ bị các hãng nước ngoài “nuốt chửng”, một số ngành dịch vụ và ngành nông nghiệp bị đe dọa trầm trọng (4). Thách thức và tác động đối với ngành nông nghiệp là đáng phải quan tâm nhất, bởi lẽ trên 70% dân số nước ta chủ yếu vẫn sống ở khu vực nông thôn và làm nông nghiệp là chủ yếu, và trong số này đa phần lại là phụ nữ. Nguyên Bộ trưởng Thương mại Trương Đình Tuyển cũng cho rằng riêng với nông nghiệp, áp lực cạnh tranh là rất lớn do sản xuất nông nghiệp của

chúng ta vẫn là nền sản xuất nhỏ, phân tán, năng suất và chất lượng thấp trong khi bình quân đất theo đầu người quá ít, giá trị sản xuất nông nghiệp trên một hecta canh tác trung bình đạt 30 triệu đồng (5). Ở thời điểm hiện nay, chúng ta chưa thể đưa ra được bất kỳ con số nào liên quan đến tác động tiêu cực của việc gia nhập WTO, song những nước đi trước chúng ta như Trung Quốc đã thấy được hệ quả của điều này. Ví dụ, theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Trung Quốc, ngay trong 6 tháng đầu sau khi gia nhập WTO, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Trung Quốc tăng 6,6%, tương đương 8,06 tỉ USD và mức tăng hàng năm 500 triệu USD. Tuy nhiên, các chuyên gia của Bộ này cho rằng mức thặng dư như vậy không thay đổi được thực tiễn rằng ngành nông nghiệp đang phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng, chủ yếu từ các hàng rào kỹ thuật áp đặt bởi các đối tác nước ngoài. Chính phủ Trung Quốc đã phải có những sửa đổi và điều chỉnh chính sách để phù hợp với những cam kết khi gia nhập WTO, trong đó nhiều sửa đổi như vậy buộc phải hy sinh nhiều lợi ích quốc gia (6).

Tác động tiêu cực của việc gia nhập WTO trên lĩnh vực kinh tế sẽ kéo theo những tác động tiêu cực về mặt xã hội và văn hoá. Về xã hội, tình trạng người lao động ở nông thôn thất nghiệp sẽ dẫn đến dòng người di cư ra các thành phố lớn, tạo ra áp lực về quản lý và an ninh. Thời gian đầu sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, đã có 200 triệu nông dân trong tổng số 800 triệu nông dân ở nước này bỏ làm nông nghiệp và di cư ra các thành phố để tìm kiếm việc làm. Do hệ quả và trước áp lực xã hội của việc này, Bộ trưởng Nông nghiệp của Trung Quốc, Du Qinglin, cho biết Chính phủ Trung Quốc buộc phải có những điều chỉnh về mặt chính sách để tạo điều

kiện cho người nông dân dễ dàng tìm kiếm việc làm ở các thành phố và tiếp nhận các dịch vụ của chính quyền (7). Đối với chúng ta, chưa cần phải chờ để đánh giá tác động của việc gia nhập WTO cũng đã có thể thấy hiện nay ở một vài thành phố lớn như Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh số người di cư từ khu vực nông thôn ra thành thị ngày càng tăng. Chính sách mới đây cho phép người cư trú ổn định trong một năm thì có thể đăng ký hộ khẩu sẽ kích thích hơn nữa dòng người di cư ra các thành phố để kiếm việc làm. Hiển nhiên rằng không phải ai ra thành phố cũng dễ dàng và có thể kiếm được việc làm. Nếu những người này có việc làm ổn định thì sẽ là tốt, nhưng ngược lại, sự thất nghiệp của họ cũng trở thành một trong những nguyên nhân gây mất ổn định xã hội, làm gia tăng các tệ nạn xã hội, các băng nhóm xã hội đen phát triển...

Văn hoá hội nhập ngày nay là một điều gì đó dễ thấm thấu và cũng dễ hoà tan, nó tác động và làm thay đổi mỗi con người lúc nào đó mà chính bản thân họ cũng không dễ nhận biết được. Việc trở thành thành viên của WTO có nghĩa là nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc của chúng ta từ trước đến nay sẽ có cơ hội giao lưu cởi mở với 149 thành viên khác trong câu lạc bộ này. Khi đó, thách thức đối với việc giữ gìn văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc của chúng ta là rất lớn. Từ thành thị đến nông thôn, khu vực miền núi, đâu đâu cũng thấy các quán Bar Karaoke, cafe Internet, các cửa hàng kinh doanh băng đĩa VCD, DVD... Đây là một trong những kênh người dân cảm thụ và tiếp nhận văn hoá nước ngoài. Trong cơ chế thị trường và xu thế hội nhập, chính sự phát triển về kinh tế kéo theo những nhu cầu văn hoá mới. Vấn đề giờ đây chỉ còn là tác động ít hay nhiều, hậu quả nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng. Theo quy định của luật

nhân quyền quốc tế, việc bảo đảm thực hiện các quyền con người trong mọi điều kiện trước và trên hết thuộc về trách nhiệm của nhà nước. Như vậy, dưới tác động của việc gia nhập WTO, trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm các quyền con người đến đâu?

2. Tác động của việc gia nhập WTO tới quyền kinh tế, xã hội và văn hoá của phụ nữ

Phụ nữ được xem là nhóm xã hội có nguy cơ dễ gặp rủi ro. Trong quá trình toàn cầu hoá và quốc tế hoá, phụ nữ lại càng gặp nhiều rủi ro hơn, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hoá. Quyền con người của phụ nữ trên những lĩnh vực này thường bị từ chối nhiều hơn so với nam giới. Ở nước ta, theo ước tính, nữ giới chiếm tới 51% trong tổng số hơn 80 triệu dân. Điều này dễ thấy rằng số lượng đối tượng nữ giới chịu tác động của việc gia nhập WTO là rất lớn. Như đã phân tích ở trên, việc gia nhập WTO sẽ có cả những tác động tích cực và tiêu cực đối với xã hội, tới từng cá thể và nhóm xã hội khác nhau. Tuy nhiên, đối với mỗi cá thể và trong từng nhóm xã hội, sự tác động đó cũng không phải bao giờ cũng giống nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh và năng lực cá nhân, cho dù giữa họ có thể có những mẫu số chung nhỏ nhất như trình độ học vấn...

Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, dưới tác động của quá trình phát triển, có thể tạm chia làm ba nhóm phụ nữ theo giác độ địa lý-hành chính: nhóm thứ nhất là phụ nữ ở khu vực thành thị; nhóm thứ hai là phụ nữ ở khu vực nông thôn; và, nhóm thứ ba là phụ nữ ở khu vực miền núi hay phụ nữ dân tộc thiểu số. Trong tương lai, khi đất nước phát triển đến trình độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì ranh giới phân chia giữa các khu vực địa lý như trên sẽ mờ dần hoặc khó phân biệt hơn, nhưng tại thời điểm hiện nay thì vẫn còn rõ nét. Mặc dù vậy, việc phân chia này cũng chỉ tương đối vì

ở nước ta khu vực nông thôn đôi khi bao gồm cả khu vực miền núi, và nhiều khu vực được coi là nông thôn hiện nay cũng đang phát triển và đô thị hoá. Tuy nhiên, trong phạm vi của phần này, việc phân chia như vậy lại giúp chúng ta định hình được mức độ tác động của việc gia nhập WTO rõ ràng hơn, đặc biệt nhìn từ khía cạnh kinh tế, xã hội và văn hoá.

Quyền kinh tế, xã hội và văn hoá là một tập hợp rất nhiều các quyền khác nhau của mỗi người trong việc thụ hưởng những thành tố cấu thành của ba lĩnh vực này. Theo Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR), nhóm quyền kinh tế, xã hội và văn hoá bao gồm các quyền sau, trong số nhiều quyền khác: quyền có việc làm, quyền an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội, quyền có nhà ở, quần áo và lương thực đầy đủ, quyền không bị đói, quyền được chăm sóc sức khoẻ, quyền được giáo dục, quyền tham gia đời sống văn hoá, được thụ hưởng những lợi ích của tiến bộ và ứng dụng khoa học, v.v... Việc thụ hưởng các quyền này dựa trên sự công bằng và bình đẳng; các quyền được đặt trong mối quan hệ thống nhất, phụ thuộc lẫn nhau, không quyền nào quan trọng hơn quyền nào. Tuy nhiên, xét trên thực tiễn yếu tố kinh tế và sự phát triển kinh tế luôn là tiền đề cho sự phát triển của những yếu tố xã hội và văn hoá. Trong số các quyền kinh tế, thì tác động rõ nhất là quyền có việc làm.

Việc gia nhập WTO đã thu hút được nhiều công ty và tập đoàn nước ngoài hơn đầu tư vào thị trường trong nước. Mới đây, theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong cả năm 2006 đạt trên 10 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay. Con số này bao gồm cả vốn tiếp tục đầu tư vào cơ sở hoạt động sẵn có và đầu tư mới như hãng Intel của Mỹ hay tập đoàn sản xuất thép của Hàn

Quốc. Sẽ có nhiều việc làm được tạo ra, thu hút nhiều lao động, trong đó có cả lao động nữ. Việc gia nhập WTO cũng sẽ kích thích sự phát triển của các thành phần kinh tế trong nước, chứ không chỉ thuần túy là sự hiện diện của các công ty nước ngoài. Như vậy, khu vực tạo ra việc làm thời kỳ hậu gia nhập WTO sẽ bao gồm cả khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vào sản xuất-kinh doanh và các thành phần kinh tế trong nước, chủ yếu là khu vực tư nhân. Hiện nay, khu vực tư nhân cũng đã góp phần tạo ra khá nhiều việc làm, thu hút số lượng lớn lao động, bao gồm cả lao động nữ và lao động dư thừa từ các cơ sở nhà nước. Tuy nhiên, mức độ cạnh tranh việc làm cũng sẽ gay gắt hơn và có sự phân biệt rõ rệt. Những người có trình độ và tay nghề lao động cao sẽ làm những công việc được trả lương cao hơn, môi trường làm việc tốt hơn; ngược lại, những người có trình độ và tay nghề thấp thì sẽ làm những công việc lương thấp và môi trường lao động ít bảo đảm hơn, thậm chí là thất nghiệp. Do đó, trong cuộc cạnh tranh này, quyền có việc làm của một số người sẽ được bảo đảm, nhưng của một số khác thì bị từ chối. Nguyên nhân của thất nghiệp thì có nhiều, nhưng chủ yếu là do sự thay đổi về phương thức sản xuất, cạnh tranh và trình độ của người lao động. Các công ty nước ngoài khi vào đầu tư thường mang theo vốn, công nghệ và phương pháp quản lý mới và hiện đại. Để vận hành những dây chuyền sản xuất công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu phương thức quản lý hiện đại đòi hỏi lực lượng lao động nói chung và lao động nữ nói riêng cũng phải có trình độ và tay nghề tương ứng. Trong khi đó hiện nay, trình độ và tay nghề của lực lượng lao động nữ ở nước ta còn tương đối thấp. Quá trình tuyển dụng sẽ có sự gạn lọc, và như vậy một số lượng đông

lao động nữ có khả năng sẽ bị loại trừ và lâm vào tình trạng thất nghiệp. Tại Hội thảo “Hậu gia nhập WTO - cơ hội và thách thức” do Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) tổ chức tại Đà Nẵng vào đầu tháng 12 năm 2006, nhiều ý kiến của các đại biểu cũng bày tỏ lo lắng về khả năng xảy ra tình trạng thất nghiệp cao và mất cân đối về việc làm. Bà Phạm Chi Lan, nguyên thành viên Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ, cho biết tỷ lệ lao động ở nước ta đã qua đào tạo còn quá thấp, kỹ năng làm việc lại yếu. Bà Lan cho biết thêm, hiện chỉ có 27% lao động được đào tạo, có kỹ năng(8). Con số này không cho biết rõ có bao nhiêu phần trăm trong số đó là lao động ở thành thị, nông thôn hay khu vực miền núi, hay bao nhiêu phần trăm là lao động nữ và nam, nhưng có thể hiểu rằng nó đại diện nhiều cho lực lượng lao động ở khu vực thành thị, vì thường ở khu vực này mới có điều kiện phát triển và cơ sở đào tạo sẵn có. Ngoài nguyên nhân thất nghiệp do trình độ và tay nghề sản xuất của lao động nữ, một nguyên nhân khác khiến quá trình đào thải lao động diễn ra nhanh hơn chính là việc chúng ta mở cửa thị trường cho hàng nhập khẩu của nước ngoài. Hiện nay trên thị trường quần áo đã xuất hiện nhiều sản phẩm của nước ngoài, đặc biệt là từ Trung Quốc, giá rẻ, mẫu mã đẹp khiến cho quần áo và hàng da-giày trong nước gặp nhiều khó khăn. Nay, chúng ta mở cửa và cắt giảm thuế, hàng nhập khẩu loại này sẽ còn vào nhiều hơn nữa và những cơ sở sản xuất nhỏ lẻ sẽ khó khăn, trước hết là thị phần tiêu thụ sẽ bị thu hẹp, dẫn đến cắt giảm nhân công; trường hợp tồi tệ hơn nữa là phá sản và buộc phải đóng cửa, đến lúc đó nạn thất nghiệp sẽ diễn ra hàng loạt. Như vậy, quyền có việc làm của phụ nữ bị khước từ xuất

phát từ cả chính sách phát triển và hội nhập mà phần nhiều là do sức ép từ bên ngoài và một phần do tính thụ động của người lao động.

Lao động nữ từ nông thôn chiếm phần lớn lực lượng lao động trong các cơ sở sản xuất dệt may, da-giày, hàng nông sản. Các khu công nghiệp đều được xây dựng ở khu vực ngoại thành và lực lượng lao động tại đây cũng đều là lao động trên địa bàn sở tại và chủ yếu là nữ công nhân. Do vậy, khi những cơ sở sản xuất này gặp khó khăn thì đương nhiên lực lượng lao động nữ sẽ phải chịu những tác động không tích cực. Tác động đáng lưu ý nhất của việc gia nhập WTO là với ngành nông nghiệp. Sẽ có nhiều vấn đề tác động tới khu vực nông nghiệp, chẳng hạn chúng ta phải cắt giảm trợ cấp xuất khẩu các mặt hàng nông sản, đồng thời mở cửa thị trường để nông sản của nước ngoài vào thị trường nội địa. Cho đến nay, nhiều chuyên gia và nhà quản lý một vài công ty vẫn lạc quan cho rằng “không nên quá lo ngại” và “không ngán” cạnh tranh vì dựa trên “phương pháp chế biến, tập quán kinh doanh và “môi trường” quen thuộc” (9). Không phủ nhận rằng sẽ có những doanh nghiệp đứng vững, nhưng cũng có khả năng nhiều doanh nghiệp phá sản. Vấn đề không đơn giản như ta dự đoán. Trong trường hợp bị phá sản, người lao động sẽ gặp khó khăn, lao động nữ thất nghiệp sẽ khó khăn hơn lao động nam bị thất nghiệp vì họ không dễ dàng thích ứng với môi trường mới như nam giới.

Trong số ba nhóm phụ nữ phân chia ở trên thì tác động của việc gia nhập WTO đối với quyền có việc làm của phụ nữ khu vực miền núi hay phụ nữ dân tộc thiểu số là khó dự đoán và khó đánh giá nhất. Bởi lẽ, mức độ phụ thuộc của họ vào cơ chế thị trường không nhiều như phụ nữ thành thị và khu vực nông

thôn. Hay nói đúng hơn, tác động rõ nét và trực tiếp của việc gia nhập WTO đối với phụ nữ dân tộc thiểu số không giống như đối với hai nhóm phụ nữ kia. Ở nước ta, phụ nữ dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng cao, hoạt động lao động sản xuất chính vẫn là các nghề thủ công truyền thống. Mặc dù vậy, khi hàng hoá nhập khẩu tràn ngập và len lỏi lên tận những vùng này thì các sản phẩm nghề truyền thống liệu có cạnh tranh nổi không, cơ hội việc làm để có thu nhập từ các sản phẩm thủ công truyền thống khi đó sẽ bị thu hẹp lại. Sự hạn chế về mức độ tiêu thụ sản phẩm dẫn đến mất động lực duy trì bản sắc văn hoá, thậm chí là từ bỏ những hoạt động sản xuất mang đậm nét văn hoá dân tộc để chuyển sang làm những sản phẩm đáp ứng theo nhu cầu thị trường. Sự du nhập của các sản phẩm văn hoá nước ngoài như âm nhạc, phim ảnh... sẽ tác động không nhỏ đến sự hưởng thụ và duy trì văn hoá truyền thống của người bản địa.

Thất nghiệp sẽ ảnh hưởng đến một loạt các quyền xã hội khác của phụ nữ, như quyền an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội, quyền có nhà ở, quần áo và lương thực đầy đủ, quyền không bị đói, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được giáo dục, quyền tham gia đời sống văn hoá, được thụ hưởng những lợi ích của tiến bộ và ứng dụng khoa học... Chẳng hạn đối với quyền an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội, về nguyên tắc, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm một hệ thống an sinh xã hội cho toàn dân, để những người thất nghiệp, người cao tuổi và người tàn tật... được hưởng trợ cấp khó khăn. Người cao tuổi và người tàn tật là hai đối tượng đặc biệt, nhưng với những người thất nghiệp, nhất là những người còn đang độ tuổi lao động sung sức thì còn rất nhiều việc phải bàn, nếu không muốn nói là thường bị lãng quên. Bên cạnh đó, nếu tỷ lệ thất nghiệp cao thì nó

thực sự là một gánh nặng cho nhà nước, đồng thời làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội khác như mất công bằng. Chế độ an sinh xã hội đối với những người làm công ăn lương trong các cơ quan nhà nước hay trong các cơ sở quốc doanh thì còn dễ kiểm soát, song đối với những người làm trong các cơ sở tư nhân thì không có gì để bảo đảm. Khi các cơ sở tư nhân bị phá sản, lao động nữ không những bị thất nghiệp, mà có khi họ còn không được đền bù hoặc được hưởng bất kỳ trợ cấp khó khăn nào. Chế độ bảo hiểm thường gắn liền với thu nhập, bằng cách này hay cách khác, của người lao động. Đối với những người có thu nhập cao thì bảo hiểm xã hội không thành vấn đề (hiện nay nhiều người, thậm chí công chức nhà nước, có thể bảo hiểm y tế nhưng khi đi khám bệnh cũng chẳng bao giờ sử dụng thẻ bảo hiểm), song đối với người có thu nhập thấp và người nghèo thì bảo hiểm xã hội lại hết sức có ý nghĩa. Khi không có việc làm, thu nhập không có thì việc đóng bảo hiểm và hưởng bảo hiểm là không có.

Số người thất nghiệp ở nông thôn di cư ra khu vực thành thị hiện đang gia tăng. Sự tác động của việc gia nhập WTO dẫn đến tỷ lệ nông dân thất nghiệp và dòng người di cư ra các thành phố để tìm kiếm việc làm sẽ còn tăng hơn nữa. Trong số lao động di cư này, tỷ lệ lao động nữ chiếm khá đông. Điềm qua các "chợ" người chờ kiếm việc làm chân tay rẻ tiền trên nhiều dãy phố hiện nay thì có thể thấy hơn 2/3 trong số họ là phụ nữ. Người lao động di cư luôn gặp khó khăn về chỗ ở. Họ buộc phải thuê ở những căn nhà rẻ tiền nhất để phù hợp với thu nhập "được chằng hay trở" hàng ngày, thậm chí có ngày không kiếm được đồng thu nhập nào. Lẽ đương nhiên là điều kiện sinh hoạt ở những khu nhà này rất không bảo đảm về vệ sinh và sức khỏe, chứ chưa nói gì đến

những điều kiện đáp ứng nhu cầu thông tin và văn hoá. Khi phát sinh ốm đau, việc chăm sóc sức khoẻ, khám chữa bệnh cho những đối tượng này sẽ không được chu đáo bởi họ vừa không có bảo hiểm xã hội, vừa không có tiền để trang trải độc lập.

Nói tóm lại, việc gia nhập WTO sẽ dẫn đến cả những tác động tích cực và tiêu cực đối với việc thụ hưởng các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá của phụ nữ. Các quyền này có tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau. Khi một quyền này bị khước từ thì sẽ dẫn theo quyền khác bị từ chối. Song, xét trong bối cảnh của việc gia nhập WTO thì sự thụ hưởng các quyền kinh tế, nhất là quyền có việc làm, có ảnh hưởng hơn đối với các quyền xã hội và văn hoá. Hay nói cách khác, việc thụ hưởng các quyền xã hội và văn hoá sẽ làm nổi bật hơn sự thụ hưởng các quyền kinh tế.

3. Kết luận và khuyến nghị

Không ai có thể phủ nhận việc gia nhập WTO chỉ có tác động tích cực mà không có tác động tiêu cực và ngược lại. Vấn đề là cần phải xác định mức độ tiêu cực đến đâu và làm thế nào để hạn chế nó. Việc thụ hưởng các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá của phụ nữ sẽ chịu tác động của việc gia nhập WTO. Đối với chúng ta, kể từ sau ngày 11 tháng 01 năm 2007 thì những cam kết vào WTO mới chính thức có hiệu lực, do vậy tác động này sẽ không thể thấy ngay được trong vòng vài tháng, thậm chí là một năm hay hai năm. Song, nếu chúng ta có sự chuẩn bị và nghiên cứu từ bây giờ, đặc biệt là định hướng ra được cần nghiên cứu và tập trung vào vấn đề gì thì chúng ta sẽ có những điều chỉnh sớm để kiểm soát được tình hình. Trên tinh thần đó, bài viết xin có mấy đề xuất như sau:

Một là, Chính phủ chỉ đạo thành lập một cơ chế liên ngành ở tầm quốc gia nhằm đánh giá tác động của việc gia

nhập WTO. Việc đánh giá này nên được tiến hành định kỳ theo từng cấp, ngành, khu vực và thậm chí là theo từng công việc. Trong quá trình đánh giá, cần lồng ghép vấn đề giới để thấy được tác động đối với phụ nữ. Chẳng hạn, trước mắt tập trung đánh giá những lĩnh vực sản xuất có thể thấy chịu nhiều tác động nhất đối với lao động nữ như dệt may, da-giày và nông nghiệp, sau đó là dịch vụ và văn hoá... Cơ chế này có thể do Văn phòng Chính phủ hoặc Bộ Lao động-Thương Binh và Xã hội chủ trì;

Hai là, các Bộ, ngành, đặc biệt là Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch, Bộ Truyền thông và Thông tin cần xây dựng kế hoạch, chương trình và có những dự án dựa trên giới để đánh giá tác động của việc gia nhập WTO theo từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất thuộc chức năng quản lý của Bộ mình;

Ba là, việc nghiên cứu đánh giá cần bảo đảm có sự tham gia của khu vực tư nhân vì khu vực tư nhân đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút lực lượng lao động, bao gồm cả lao động nữ. Tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân và đẩy mạnh sự phối hợp giữa khu vực tư nhân và khu vực nhà nước vào nghiên cứu đánh giá sẽ giúp thấy được bức tranh tổng thể và toàn diện về tác động của việc gia nhập WTO tới tất cả các ngành, khu vực, để từ đó Chính phủ có thể ban hành những chính sách phù hợp nhằm bảo đảm việc thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá của phụ nữ;

Bốn là, các cơ quan và tổ chức liên quan đến phụ nữ như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cũng cần có những dự án nghiên cứu tác động của việc gia nhập WTO với đối tượng phụ nữ và trẻ em, nhất là trẻ em gái;

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế trong việc đánh giá tác động của việc gia nhập WTO đối với phụ nữ. Việc hợp

tác quốc tế trong vấn đề này cần đa dạng nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính cũng như tư vấn của đối tác nước ngoài. Các đối tác nước ngoài cần tập trung đẩy mạnh hợp tác như Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP), Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc (UNICEF), Quỹ Phát triển Phụ nữ của Liên Hợp Quốc (UNIFEM), và một số tổ chức phi chính phủ nước ngoài phù hợp.

Nghiên cứu đánh giá tác động của việc gia nhập WTO đối với các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá của phụ nữ là cần thiết. Ở tầm vĩ mô, nó sẽ giúp các cơ quan hoạch định chính sách đề xuất kiến nghị với Chính phủ để điều chỉnh và thông qua những chính sách và pháp luật phù hợp giúp bảo đảm tốt hơn việc thực hiện các quyền này của phụ nữ. ở tầm vi mô, các kết quả nghiên cứu sẽ giúp chúng ta thấy được cụ thể những nét sáng tối của sự tác động, góp phần nâng cao hơn nữa nhận thức và kích thích tính chủ động của người dân nói chung và phụ nữ nói riêng tham gia vào tiến trình hội nhập của đất nước, sớm đạt mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Gia nhập WTO, cơ hội-thách thức và hành động của chúng ta. Báo *Tuổi trẻ điện tử*, ngày 08/11/2006.
2. Phát biểu của Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm tại phiên họp đặc biệt của Đại hội đồng WTO ngày 07/11/2006. Báo *Tuổi trẻ điện tử*, ngày 08/11/2006.
3. Hàng không giá rẻ ô ạt vào Việt Nam. Báo *Thanh niên điện tử*, ngày 26/10/2006.
4. Carl Thayer. 6 thách thức khi Việt Nam gia nhập WTO. Báo *Dân trí điện tử*, ngày 13/11/2006.
5. Bộ trưởng Trương Đình Tuyển giải trình về WTO. Báo *Kinh tế Việt Nam điện tử*, ngày 28/11/2006.
6. Nông dân Trung Quốc đối diện với những thách thức hậu WTO (Chinese Farmers face post-WTO challenges). *Nhân dân nhật báo* (Trung Quốc), ngày 05/8/2002.
7. Christopher Bodeen. Câu hỏi về Tác động của WTO với nông dân Trung Quốc (Impacts of WTO on China's farmers questioned). Báo *Associate Press điện tử*, ngày 10/3/2003.
8. Thị trường lao động khi gia nhập WTO: mất cân đối ngành nghề. Báo *Tuổi trẻ điện tử*, ngày 12/12/2006.
9. Nông dân lo WTO?. Báo *Kinh tế Việt Nam điện tử*, ngày 02/12/2006; Việt Nam vào WTO: Nông dân được hỗ trợ như thế nào?. Báo *Thanh niên điện tử*, ngày 22/8/2006.